

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2017/HSST
Ngày: 31/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhật Quang

2. Bà Dương Thị Bận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 149/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Thị Minh T, sinh năm 1993 tại tỉnh An Giang; nơi ĐKNKTT: Ấp 2, tổ 10, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lê Văn Bé E, sinh năm 1960 và bà Võ Thị T, sinh năm 1970; có 5 chị em, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2004; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Trần Thanh G, sinh năm 1989; trú tại: 321A, Quốc lộ 13, khu phố 5, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Vương Hoàng T, sinh năm 1985; trú tại: Số 4B, Nguyễn Thái Học, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Đỗ Thành S, sinh năm 1971; trú tại: Số 24, tổ 3, khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Dương Hồng C, sinh năm 1962; trú tại: Số 13, đường P, khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Vương Thị Bích T, sinh năm 1960; trú tại: 235, Đại lộ Bình Dương, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Trương Quốc V, sinh năm 1994; trú tại: Phòng 19, nhà trọ số 113/80, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Ông Lê Văn Bé E, sinh năm 1960; trú tại: Ấp 2, tổ 10, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 19/10/2016, Lê Thị Minh T điều khiển xe mô tô biển số 67H1- 123.87 đến siêu thị AEON – MALL, thuộc khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khi tới khu vực mua sắm tầng 2, thấy chiếc ba lô trên xe đầy mua hàng không có người trông coi, T tiếp cận chiếc ba lô, mở dây kéo lấy một ví da màu xanh, sau đó rời khỏi siêu thị ra bãi giữ xe để lấy xe ra về. Trên đường về T dừng xe kiểm tra ví thấy có 10 tờ 100 USD, 02 tờ 50 AUD (tiền Úc), 06 tờ 2 USD, 06 tờ 1 USD, 01 tờ 1000 Won (tiền Korea), 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng có đính hột, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59X2- 889.71 đứng tên Trần Thanh G và 24.000.000đ tiền Việt Nam. Sau đó T đến tiệm vàng H bán 1000 USD được 22.200.000đ, mua 01 lắc vàng 18K trị giá 1.980.000đ, 01 nhẫn vàng 18K trị giá 2.500.000đ và 01 nhẫn vàng 18K trị giá 1.800.000đ. T tiếp tục đến tiệm vàng T mua 01 đôi bông tai vàng 18K trị giá 1.500.000đ, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trị giá 7.700.000đ, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trị giá 3.500.000đ và 01 nhẫn vàng 18K trị giá 4.100.000đ. Số tiền còn lại T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 12/11/2016, Lê Thị Minh T tiếp tục sử dụng xe mô tô biển số 67H1- 123.87 đến siêu thị Aeon – Mall thì bị lực lượng an ninh phát hiện trình báo công an mời về làm việc và T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện vào ngày 19/10/2016.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 nhẫn vàng trắng của Việt Nam, 01 ví da màu xanh làm bằng da trăn, 01 đôi khuyên tai vàng 18K đính hột trắng, 01 lắc vàng 18K, 01 cà rá hột đỏ đính con đại bàng, 01 dây chuyền vàng 18K, 01 cà rá luồn hột vàng 18K, 01 dây chuyền ống khúc chữ cong vàng 18K, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Thanh G và 01 xe mô tô biển số 67H1- 123.87.

Bị cáo Lê Thị Minh T đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 ví da màu xanh, 01 giấy đăng ký xe biển số 59X2- 889.71 do Trần Thanh G đứng tên (theo biên bản tạm giữ đồ vật ngày 13/11/2016 (BL 36); 01 xe mô tô biển số 67H1- 123.87, 01 đôi bông tai và 01 lắc vàng theo biên bản tạm giữ đồ vật ngày 12/11/2016 (BL 37).

Ông Lê Văn Bé E đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 nhẫn kim loại màu trắng đính hột đá theo biên bản tạm giữ đồ vật ngày 14/11/2016 (BL 35).

Ông Đỗ Thành S đã nộp lại cho cơ quan điều tra 01 cà rá và 01 dây chuyền bị cáo T cầm cố tại cửa hàng của ông S theo biên bản tạm giữ đồ vật ngày 13/11/2016 (BL 38). Ông S yêu cầu bị cáo bồi thường 9.000.000đ tiền cầm cố 01 cà rá và 01 dây chuyền nêu trên.

Bà Nguyễn Dương Hồng C đã nộp lại cho cơ quan điều tra 01 cà rá và 01 dây chuyền bị cáo T cầm cố tại cửa hàng của bà C theo biên bản tạm giữ đồ vật ngày 13/11/2016 (BL 39). Bà C yêu cầu bị cáo bồi thường 4.000.000đ tiền cầm cố 01 cà rá và 01 dây chuyền nêu trên.

Người bị hại Trần Thanh G yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt chưa thu hồi được là 30.893.740đ.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 14/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An xác định: 01 nhẫn vàng trắng của Việt Nam có đính hột giả trọng lượng 03g 80 trị giá 550.000đ; 01 ví da màu xanh làm bằng da trăn trị giá 1.500.000đ;

Theo biên bản định giá tài sản ngày 02/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An xác định: 1018 USD trị giá 22.660.680đ, 100 AUD (đô la Úc) trị giá 1.693.200đ, 1000 Won (Hàn Quốc) trị giá 19.860đ.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 02/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An xác định: 01 đôi khuyên tai vàng 18K đính hột trắng, trọng lượng 6 phân 2 (vàng 6,5 tuổi) trị giá 1.230.000đ; 01 lắc vàng 18K, trọng lượng 7 phân 5 (vàng 5,5 tuổi) trị giá 1.350.000đ; 01 cà rá hột đỏ đính con đại bàng vàng 18K, trọng lượng 1 chỉ 68 (vàng 6 tuổi) trị giá 3.444.000đ; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1 chỉ 64 (vàng 6,1 tuổi) trị giá 3.362.000đ; 01 cà rá luôn hột vàng 18K, trọng lượng 1 chỉ 06 (vàng 6,1 tuổi) trị giá 1.209.000đ, hột trị giá 120.000đ; 01 dây chuyền ống khúc chữ cong vàng 18K, trọng lượng 3 chỉ 30 (vàng 6,1 tuổi) trị giá 6.765.000đ.

Xe mô tô biển số 67H1- 123.87, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Trương Quốc V theo biên bản trả tài sản ngày 15/12/2016 (BL 27).

Bản cáo trạng số: 171/QĐ - KSĐT ngày 07/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Thị Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e, Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm p, 1 Khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Minh T mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, bồi thường cho ông S 9.000.000đ, bà C 4.000.000đ và bà G 30.893.740đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Minh T đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi trộm cắp chiếc ví của người bị hại Trần Thanh G như đã khai báo trước cơ quan điều tra. Lời khai của bị cáo trước sau thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, Tòa án có căn cứ kết luận:

Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 19/10/2016, Lê Thị Minh T tới khu vực mua sắm tầng 2 siêu thị AEON – MALL, thuộc khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, thấy xe đẩy mua hàng trên có chiếc ba lô nhưng không có người trông coi, T tiếp cận chiếc ba lô, mở dây kéo lấy một ví da màu xanh của bà Trần Thanh G trong đó có 10 tờ 100 USD, 02 tờ 50 AUD (tiền Úc), 06 tờ 2 USD, 06 tờ 1 USD, 01 tờ 1000 Won (tiền Korea), 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng có đính hột, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59X2- 889.71 đứng tên Trần Thanh G và 24.000.000đ tiền Việt Nam. Tổng tài sản T chiếm đoạt trị giá 50.423.740đ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam tư lợi, nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của người bị hại trị giá 50.423.740đ, thuộc tình tiết định khung theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi phạm tội bị cáo là người có thai; sau khi phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm p, 1 Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Sau khi phạm tội bị cáo T đã bán tài sản chiếm đoạt được để mua một số đồ trang sức như lắc, nhẫn (cà rá), dây chuyền. Sau đó T đem đi cầm cố 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 3,3 chỉ; 01 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 1,68 chỉ tại tiệm vàng T do ông Đỗ Thành S làm chủ và đem cầm cố tại tiệm vàng K do bà Nguyễn Dương Hồng C làm chủ 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,05 chỉ và 01 dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,64 chỉ. Quá trình điều tra ông S đã giao lại cho cơ quan công an tài sản T cầm cố theo biên bản giao nhận ngày 13/11/2016 (BL38) và bà C đã giao lại cho cơ quan công an tài sản T cầm cố theo biên bản giao nhận ngày 13/11/2016 (BL39). Những tài sản trên có được do dùng tài sản chiếm đoạt của người bị G để mua nên cần tuyên trả cho người bị hại G.

Đối với chiếc nhẫn kim loại màu trắng đính hột đá T chiếm đoạt của người bị hại sau đó mang về biếu mẹ. Ngày 14/11/2016 ông Lê Văn Bé E (cha bị cáo T) đã đem nộp cho cơ quan điều tra (BL 35), nên cần tuyên trả lại cho người bị hại G.

Đối với chiếc ví xanh và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59X2- 889.71 bà Trần Thanh G đứng tên do T chiếm đoạt và 01 đôi bông tai vàng 18k đính hột trắng, trọng lượng 06 phân 2; 01 lắc vàng 18k, trọng lượng 07 phân 5 bị cáo T dùng tiền chiếm đoạt được của người bị hại để mua và đã nộp lại cho cơ quan điều tra, nên cần tuyên trả lại cho bị hại G.

Chiếc xe mô tô biển số 67H1- 123.87 do ông Trương Quốc V đứng tên sở hữu. Ông V cho T mượn nhưng không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho ông V là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại tổng trị giá là 50.423.740đ. Tài sản thu hồi được trả cho người bị hại trị giá 19.530.000đ, vì vậy buộc bị cáo còn phải bồi thường cho người bị hại 30.893.740đ.

Bị cáo cầm cố 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 3,3 chỉ và 01 nhẫn (cà rá) vàng 18k, trọng lượng 1,68 chỉ cho tiệm vàng ông Đỗ Thành S để lấy 9.000.000đ. Ông S đã giao nộp tài sản trên cho cơ quan điều tra và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã

cầm cố. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho ông S số tiền 9.000.000đ.

Bị cáo cầm cố 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,64 chỉ và 01 nhẫn (cà rá) vàng 18k, trọng lượng 1,05 chỉ cho tiệm vàng bà Nguyễn Dương Hồng C để lấy 4.000.000đ. Bà C đã giao nộp tài sản trên cho cơ quan điều tra và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã cầm cố. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bà C số tiền 4.000.000đ.

Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án, nên phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p, l Khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Minh T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại cho bà Trần Thanh G những tài sản sau: 01 nhẫn kim loại màu trắng đính hột đá; 01 ví nữ màu xanh và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Thanh G; 01 đôi bông tai đính hột trắng vàng 18K, trọng lượng 06 phân 2; 01 lắc vàng 18K, trọng lượng 07 phân 5; 01 cà rá hột đỏ đính con đại bàng vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 68; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 64; 01 cà rá luôn hột vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 06; 01 dây chuyền ống khúc vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ 30 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/7/2017).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại Trần Thanh G số tiền 30.893.740đ.

- Buộc bị cáo bồi thường cho ông Đỗ Thành S số tiền 9.000.000đ.

- Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Dương Hồng C số tiền 4.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.194.687 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Công an thị xã Thuận An;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THAHS, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Anh Thư